

Số: /QĐ-BNNMT

Hà Nội, ngày tháng năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc ban hành Kế hoạch hành động thực hiện mục tiêu tăng trưởng
Ngành Nông nghiệp và Môi trường và tổng kim ngạch xuất khẩu
nông lâm thủy sản năm 2025**

BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Nghị định số 35/2025/NĐ-CP ngày 25/02/2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ Kết luận số 123-KL/TW ngày 24/01/2025 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về Đề án bổ sung về phát triển kinh tế - xã hội năm 2025 với mục tiêu tăng trưởng đạt 8,0% trở lên; Nghị quyết số 192/2025/QH15 ngày 19/02/2025 của Quốc hội về bổ sung Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2025 với mục tiêu tăng trưởng đạt 8% trở lên;

Căn cứ các Nghị quyết của Chính phủ: Số 01/NQ-CP ngày 08/01/2025 về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2025; số 25/NQ-CP ngày 05/02/2025 về mục tiêu tăng trưởng các ngành, lĩnh vực và địa phương bảo đảm mục tiêu tăng trưởng cả nước năm 2025 đạt 8% trở lên;

Căn cứ Nghị quyết số 05-NQ/ĐU, ngày 20/3/2025 của Ban Thường vụ Đảng ủy Bộ về thực hiện mục tiêu tăng trưởng Ngành Nông nghiệp và Môi trường và tổng kim ngạch xuất khẩu nông lâm thủy sản năm 2025;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Kế hoạch - Tài chính.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch hành động thực hiện mục tiêu tăng trưởng Ngành Nông nghiệp và Môi trường và tổng kim ngạch xuất khẩu nông lâm thủy sản năm 2025.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Bộ, Vụ trưởng Vụ Kế hoạch - Tài chính, Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc Bộ chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- UBND các tỉnh, TP trực thuộc TW (để đề nghị phối hợp chỉ đạo);
- Các đ/c Thứ trưởng Bộ NN&MT;
- Đảng ủy Bộ;
- Lưu: VT, KHTC.M.

BỘ TRƯỞNG**Đỗ Đức Duy**

KẾ HOẠCH HÀNH ĐỘNG
thực hiện mục tiêu tăng trưởng Ngành Nông nghiệp và Môi trường
và tổng kim ngạch xuất khẩu nông lâm thủy sản năm 2025
(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-BNNMT ngày tháng năm 2025
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

Năm 2025 có ý nghĩa đặc biệt quan trọng, là năm tăng tốc, bứt phá, về đích để hoàn thành Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và Kế hoạch phát triển ngành Nông nghiệp và Môi trường (NN&MT) 5 năm (2021 - 2025); năm tiến hành Đại hội Đảng các cấp, tiến tới Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng; năm chuẩn bị, củng cố các yếu tố nền tảng, làm tiền đề để nước ta tự tin bước vào kỷ nguyên mới - Kỷ nguyên vươn mình giàu mạnh, thịnh vượng của dân tộc, hướng tới thực hiện thắng lợi mục tiêu Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm (2021 - 2030). Tình hình thế giới, khu vực dự báo diễn biến rất phức tạp, khó lường; kinh tế thế giới phục hồi không đồng đều, rủi ro gia tăng, nhất là những điều chỉnh chính sách thuế, thương mại của chính quyền Tổng thống Hoa Kỳ Donald Trump. Nền kinh tế nước ta duy trì đà tăng trưởng tích cực, có những thời cơ, thuận lợi và khó khăn, thách thức đan xen, nhưng khó khăn, thách thức nhiều hơn, nhất là từ những yếu tố bên ngoài và những hạn chế, bất cập nội tại, bão lũ, hạn hán, xâm nhập mặn, nguy cơ dịch bệnh bùng phát...

Thực hiện Kết luận, các Nghị quyết của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Quốc hội, Chính phủ về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2025 và mục tiêu tăng trưởng các ngành, lĩnh vực, địa phương bảo đảm mục tiêu tăng trưởng cả nước năm 2025 đạt 8,0% trở lên; căn cứ Nghị quyết số 05-NQ/ĐU ngày 20/3/2025 của Ban Thường vụ Đảng ủy Bộ Nông nghiệp và Môi trường về phân đầu thực hiện mục tiêu tăng trưởng toàn Ngành 4,0% trở lên và tổng kim ngạch xuất khẩu nông lâm thủy sản 65 tỷ USD năm 2025, Bộ Nông nghiệp và Môi trường (NN&MT) ban hành Kế hoạch hành động với những nội dung chủ yếu sau:

I. QUAN ĐIỂM

- Thống nhất từ tư duy đến hành động trong Bộ và toàn ngành NN&MT, cùng nỗ lực, quyết tâm thực hiện đồng bộ các nhóm nhiệm vụ, giải pháp để bảo đảm hoàn thành mục tiêu tăng trưởng ngành NN&MT và tổng kim ngạch xuất khẩu nông, lâm, thủy sản (NLTS) năm 2025 đã được Chính phủ giao.

- Kế hoạch hành động phải rõ ràng, cụ thể, khả thi, dễ kiểm tra, giám sát, dễ đánh giá; việc phân công nhiệm vụ bảo đảm **5 rõ: “rõ người, rõ việc, rõ trách nhiệm, rõ sản phẩm, rõ thời gian hoàn thành”**; là cơ sở để các Lãnh đạo Bộ, thủ trưởng các đơn vị thuộc Bộ, các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức triển khai thực hiện.

- Bám sát và thực hiện đồng bộ các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp phát triển Ngành trong các nghị quyết, chiến lược, quy hoạch ngành cấp quốc gia, các kế hoạch, chương trình, đề án lĩnh vực Nông nghiệp và Môi trường đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Các nhiệm vụ, giải pháp thúc đẩy tăng trưởng phải

bảo đảm hài hòa cả phía cầu và phía cung, coi trọng nâng cao chất lượng, giá trị đi đôi với gia tăng năng suất, sản lượng tương tích, phù hợp trong tất cả các tiểu ngành, sản phẩm.

- Trong tổ chức thực hiện phải có quyết tâm chính trị cao, nỗ lực lớn; kiên định về mục tiêu, linh hoạt về giải pháp; bám sát tình hình thực tiễn, phản ứng chính nhanh nhạy, kịp thời, hiệu quả; tăng cường kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả, kịp thời phát hiện và tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc, khơi thông các điểm nghẽn, giải phóng mọi nguồn lực cho phát triển để đạt được các mục tiêu đề ra.

II. MỤC TIÊU

- Tốc độ tăng trưởng năm 2025: Phần đầu giá trị gia tăng khu vực nông, lâm nghiệp, thủy sản tăng 4,0% trở lên. Trong đó: Giá trị gia tăng lĩnh vực nông nghiệp tăng 3,85% (giá trị sản xuất trồng trọt tăng 2,4 - 2,9%; giá trị sản xuất chăn nuôi tăng 5,7 - 5,98%); giá trị gia tăng thủy sản tăng 4,35%; giá trị gia tăng lâm nghiệp tăng 5,47%.

- Tổng kim ngạch xuất khẩu NLTS năm 2025 đạt 65 tỷ USD, phần đầu đạt 70 tỷ USD.

III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Nâng cao nhận thức, xác định quyết tâm chính trị mạnh mẽ, quyết liệt lãnh đạo, chỉ đạo, tạo xung lực mới trong toàn Ngành nông nghiệp và môi trường để đạt mục tiêu tăng trưởng

Tăng cường vai trò lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng ủy Bộ, cấp ủy các cơ quan, đơn vị (gọi chung là các đơn vị) thuộc Bộ trong thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp đề ra; bám sát tình hình thực tiễn, phối hợp chặt chẽ, hiệu quả giữa các đơn vị thuộc Bộ với các cấp, các ngành, các địa phương.

Cấp ủy đảng và thủ trưởng đơn vị các cấp có kế hoạch cụ thể, việc làm thiết thực, thường xuyên quán triệt và yêu cầu toàn thể lãnh đạo, công chức, viên chức người lao động của đơn vị thống nhất nhận thức, đổi mới tư duy, hành động cụ thể trong thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp thúc đẩy tăng trưởng của toàn ngành và trong lĩnh vực được giao phụ trách.

Tăng cường công tác quản lý, giám sát của Bộ NN&MT, xây dựng, triển khai cơ chế phối hợp chặt chẽ, thường xuyên với các bộ, ngành, địa phương, hiệp hội ngành hàng để nắm bắt tình hình sản xuất, thị trường, xuất khẩu để có phương án điều chỉnh, bổ sung kịp thời..

Thường xuyên phối hợp chặt chẽ với Bộ Công Thương và các bộ, ngành liên quan trong việc theo dõi, giám sát thị trường, xúc tiến thương mại; phối hợp với các địa phương hỗ trợ, tạo điều kiện cho các doanh nghiệp trên địa bàn tổ chức thực hiện đồng bộ và hiệu quả các giải pháp phát triển ngành, chuyển đổi mạnh sang tư duy kinh tế nông nghiệp, đẩy mạnh cơ cấu lại nông nghiệp theo hướng tuần hoàn, hiệu quả, bền vững, minh bạch, trách nhiệm, tích hợp đa giá trị, bảo đảm an ninh lương thực quốc gia, bảo vệ môi trường sinh thái; khuyến

khích phát triển nông nghiệp xanh, hữu cơ, tuần hoàn; chú trọng phát triển nông nghiệp hàng hóa quy mô lớn, ứng dụng công nghệ cao; phát huy tiềm năng, lợi thế của từng vùng, từng địa phương.

2. Hoàn thiện thể chế, chính sách phục vụ tăng trưởng Ngành và xuất khẩu nông lâm thủy sản; triển khai thực hiện đồng bộ, hiệu quả các nghị quyết, chiến lược, chương trình, đề án, quy hoạch, kế hoạch phát triển Ngành

Rà soát toàn diện, sửa đổi, bổ sung các văn bản quy phạm pháp luật chuyên ngành, lĩnh vực NN&MT bảo đảm sự thống nhất, đồng bộ, phù hợp với mô hình tổ chức các cơ quan sau sáp nhập, hợp nhất, đặc biệt là mô hình chính quyền địa phương 2 cấp. Phối hợp chặt chẽ với các bộ, ngành, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và các đơn vị liên quan hoàn thiện các cơ chế, chính sách để hỗ trợ các dự án xanh, thúc đẩy tín dụng xanh và đầu tư vào các ngành kinh tế thân thiện với môi trường.

Đề xuất sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện quy định pháp luật để bảo đảm hành lang pháp lý cho hoạt động của ngành NN&MT, hỗ trợ cho hợp tác xã, doanh nghiệp, người dân như: chính sách tín dụng (tín dụng đầu tư, tín dụng chính sách và tín dụng thương mại), thuế, bảo hiểm nông nghiệp, đất đai phục vụ phát triển sản xuất kinh doanh nông nghiệp hàng hóa tập trung, quy mô lớn... Có chính sách hỗ trợ bảo đảm cho người dân yên tâm sản xuất, doanh nghiệp kinh doanh trong trường hợp thị trường biến động, nhất là đối với một số thị trường có nguy cơ không tăng trưởng cao như năm 2024 (lúa gạo, một số loại trái cây). Nghiên cứu, đề xuất cơ chế, chính sách tín dụng ưu đãi, hỗ trợ miễn giảm tiền thuê đất cho doanh nghiệp đầu tư kho bãi và hệ thống logistics để tránh đứt gãy chuỗi cung ứng nông sản, thủy sản.

Tập trung triển khai thực hiện Nghị quyết số 19/NQ-TW ngày 16/6/2022 về nông nghiệp, nông dân, nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; Chiến lược phát triển nông nghiệp và nông thôn bền vững giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; Chiến lược phát triển các tiểu ngành, lĩnh vực (trồng trọt, chăn nuôi, lâm nghiệp, thủy sản, đất đai, môi trường) và các Quy hoạch ngành quốc gia lĩnh vực NN&MT, các quy hoạch và các đề án, chương trình, kế hoạch đã ban hành.

3. Tiếp tục đẩy mạnh thực hiện cơ cấu lại ngành, nâng cao năng suất, chất lượng, giá trị gia tăng sản phẩm và hiệu quả sản xuất, kinh doanh nông lâm nghiệp và thủy sản

Tập trung cơ cấu lại các tiểu ngành, lĩnh vực và trong từng ngành thực chất, hiệu quả, gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng thông qua tăng cường ứng dụng khoa học công nghệ, chuyển đổi số, đẩy mạnh đổi mới sáng tạo, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh, tính tự chủ, khả năng thích ứng và sức chống chịu của nền kinh tế. Đẩy mạnh chuyển đổi sản xuất nông nghiệp hàng hóa theo hướng nâng cao hiệu quả từ nông sản có giá trị thấp sang nông sản có giá trị cao, chuyển đổi những vùng lúa năng suất thấp, một vụ sang sản

xuất cây trồng hoặc vật nuôi có giá trị kinh tế cao hơn; chú trọng xây dựng những vùng nguyên liệu lớn, bền vững, thích ứng với biến đổi khí hậu, phát thải thấp cho những sản phẩm chủ lực cấp quốc gia, cấp tỉnh.

Phát triển nông nghiệp sinh thái, hiệu quả, bền vững, minh bạch, trách nhiệm gắn với môi trường bền vững; thực hiện tích hợp đa giá trị theo hướng giữ vững an ninh lương thực quốc gia, bảo vệ môi trường sinh thái; khuyến khích phát triển nông nghiệp xanh, hữu cơ, tuần hoàn; chú trọng phát triển nông nghiệp sản xuất hàng hóa quy mô lớn, ứng dụng công nghệ cao; phát huy tiềm năng, lợi thế của từng vùng, từng địa phương. Phát triển kinh tế hợp tác, hỗ trợ liên kết theo chuỗi giá trị. Khuyến khích phát triển các hình thức hợp tác mới trong nông nghiệp.

Tổ chức lại sản xuất theo vùng chuyên canh, gắn với chỉ dẫn địa lý, truy xuất nguồn gốc và xây dựng mã số vùng trồng, vùng nuôi... đáp ứng yêu cầu thị trường; thực hiện chuyển đổi hệ thống lương thực, thực phẩm theo hướng “xanh”, ít phát thải và bền vững thông qua việc thúc đẩy phát triển, ứng dụng khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo trong sản xuất nông nghiệp. Đẩy mạnh nuôi biển và khai thác hải sản bền vững; tập trung giải quyết dứt điểm khuyến nghị của EC để gỡ “Thẻ vàng” trong năm 2025, ngăn chặn và xử lý nghiêm túc cá khai thác trái phép ở ngoài vùng biển Việt Nam.

Bám sát diễn biến thời tiết, thông tin thị trường để kịp thời điều chỉnh linh hoạt kế hoạch sản xuất (thời vụ, cơ cấu và diện tích), hạn chế tối đa thiệt hại do thời tiết. Tăng cường hoạt động giám sát, cảnh báo sớm về nguy cơ đối với môi trường nuôi, trồng, dịch bệnh, cháy rừng; chủ động triển khai các biện pháp ngăn ngừa, phản ứng nhanh, kịp thời xử lý dịch bệnh trên cây trồng, vật nuôi, thủy sản và phòng chống cháy rừng.

4. Đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính phục vụ người dân, doanh nghiệp

Tiếp tục thực hiện cải cách hành chính, tháo gỡ các rào cản, nút thắt cơ chế, chính sách, thủ tục hành chính, gắn với chuyển đổi số trong nông nghiệp, nông thôn, tài nguyên và môi trường để tạo động lực mạnh mẽ cho tăng trưởng Ngành. Trong đó, thực hiện hiệu quả chuyển đổi số trong cấp phép, kiểm soát mã số vùng trồng, vùng nuôi, ao nuôi bảo đảm truy xuất nguồn gốc. Nghiên cứu xây dựng sàn giao dịch nông sản quốc gia để đưa nông sản Việt Nam đến thị trường quốc tế nhanh và hiệu quả hơn, đồng thời phục vụ quản lý thương hiệu gắn với chất lượng nông sản Việt Nam.

Rà soát cắt giảm, đơn giản hoá quy định, thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động đầu tư, sản xuất, kinh doanh và đời sống người dân lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của ngành, lĩnh vực (nhất là môi trường, kiểm tra chuyên ngành, đất đai, khoáng sản...); bảo đảm mỗi lĩnh vực giảm ít nhất 30% thủ tục hành chính, các đơn vị giải quyết thủ tục hành chính giảm ít nhất 30% thời gian xử lý, giảm ít nhất 30% chi phí chi phí tuân thủ của người dân, doanh nghiệp thực hiện thủ tục hành chính; bãi bỏ ít nhất 30% điều kiện kinh doanh không cần

thiết; thực hiện các thủ tục liên quan đến doanh nghiệp trên môi trường điện tử, bảo đảm thông suốt, liền mạch, hiệu quả.

Theo dõi, giám sát việc triển khai thực hiện Bộ chỉ số chỉ đạo, điều hành và đánh giá chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp trong thực hiện thủ tục hành chính, dịch vụ công theo thời gian thực trên môi trường điện tử theo Quyết định số 766/QĐ-TTg ngày 23/6/2022 của Thủ tướng Chính phủ.

5. Tăng cường chuyển đổi số; thực hiện đột phá trong ứng dụng, chuyển giao khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo

Tổ chức thực hiện hiệu quả Kế hoạch hành động của Bộ thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị, Nghị quyết số 193/2025/QH15 của Quốc hội và Nghị quyết số 03/NQ-CP ngày 09/01/2025 của Chính phủ về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia, giúp tăng cường ứng dụng khoa học công nghệ, công nghệ số trong sản xuất, chế biến nông lâm thủy sản (ban hành kèm theo Quyết định số 503/QĐ-BNNMT ngày 27/3/2025).

Công nghiệp hóa nông nghiệp; nâng cao trình độ chế biến, bảo quản nông sản và cơ giới hóa nông nghiệp, gắn với ứng dụng khoa học công nghệ, công nghệ cao, thông minh, tự động hóa trong sản xuất nông nghiệp và bảo vệ môi trường; chú trọng khâu chọn, tạo giống; phát triển công nghiệp phục vụ nông nghiệp, đẩy mạnh cơ giới hóa đồng bộ, tăng tỷ trọng chế biến sâu để nâng cao giá trị gia tăng của sản phẩm. Giảm chi phí sản xuất, chi phí trung gian và giảm mạnh tổn thất sau thu hoạch trong nông nghiệp. Phát triển hệ thống chế biến gắn với vùng nguyên liệu và nhu cầu của thị trường. Xây dựng, phát triển hệ thống Logistics phục vụ nông nghiệp, nông thôn hiện đại, đặc biệt quan tâm đến các mặt hàng cần tạm trữ trong thời điểm khó khăn, vào vụ thu hoạch rộ.

Chuyển giao, nhân rộng ứng dụng các biện pháp canh tác bền vững, các giải pháp khoa học công nghệ, rải vụ hiệu quả nhằm giảm chi phí phân bón, thuốc bảo vệ thực vật, thuốc thú y và các chi phí trung gian khác để nâng cao hiệu quả sản xuất, nâng cao thu nhập cho người sản xuất.

Triển khai hiệu quả Đề án “Phát triển bền vững một triệu héc-ta chuyên canh lúa chất lượng cao và phát thải thấp gắn với tăng trưởng xanh vùng đồng bằng sông Cửu Long đến năm 2030”; nhân rộng các mô hình có hiệu quả trong giảm chi phí sản xuất lúa, nâng cao chất lượng gạo.

Đẩy mạnh ứng dụng viễn thám và trí tuệ nhân tạo để quan trắc, giám sát, quản lý vùng trồng, cơ sở nuôi, đánh giá sản lượng cây trồng chủ lực, kiểm kê rừng; theo dõi giám sát và phân tích dữ liệu thời tiết, đất đai, sâu bệnh, giúp nông dân tối ưu hóa sản xuất và giảm thiểu rủi ro; hệ thống cảnh báo sớm hạn hán, xâm nhập mặn; cảm biến theo dõi độ ẩm đất, dinh dưỡng cây trồng, tự động hóa tưới tiêu; hệ thống tưới tiêu thông minh, tự động cung cấp nước theo nhu cầu của cây; phát hiện bệnh sớm thông qua hình ảnh vệ tinh và thiết bị bay không người lái,...

Rà soát, hệ thống hóa, đơn giản hóa các quy chuẩn, tiêu chuẩn để đảm bảo

tính thiết thực, hiệu quả, tạo điều kiện thuận lợi cho phát triển sản xuất kinh doanh nông nghiệp và tiến dần hài hòa với các quy chuẩn quốc tế

Hoàn thiện hệ thống cơ sở dữ liệu cơ bản của ngành NN&MT. Cập nhật đầy đủ thông tin sản xuất, thị trường giúp công tác điều hành của Bộ và địa phương được chính xác và kịp thời.

6. Thúc đẩy phát triển thị trường trong nước và xuất khẩu

- *Đối với thị trường xuất khẩu:* Đẩy mạnh xúc tiến thương mại, mở cửa thị trường, đàm phán để tháo gỡ rào cản kỹ thuật, rào cản thương mại và mở cửa xuất khẩu chính ngạch thêm nhiều nông sản vào thị trường truyền thống, các thị trường có tổng kim ngạch xuất khẩu lớn (Trung Quốc, Hoa Kỳ, EU, Nga, Brazil, Nhật Bản, Hàn Quốc...); mở cửa các thị trường mới, còn nhiều tiềm năng (Thị trường thực phẩm Halal của các nước Hồi giáo, Trung Đông, Châu Phi...) với phương châm đa dạng hóa sản phẩm, đa dạng hóa thị trường, góp phần từng bước giảm xuất khẩu tiểu ngạch qua biên giới phía Bắc.

Nâng cao hiệu quả công tác đàm phán, mở cửa thị trường, xúc tiến thương mại, xử lý các vấn đề trong thương mại. Quy định rõ ràng vai trò, chức năng của từng đơn vị trong Bộ tránh trùng lặp, không hiệu quả.

Xây dựng Bộ tiêu chí phân loại thị trường, xác định chỉ tiêu xuất khẩu theo tiểu ngành, lĩnh vực và thị trường, đặc biệt thị trường còn nhiều tiềm năng; Xây dựng báo cáo thị trường xuất khẩu nông sản, giải pháp ứng phó đối với những thay đổi liên quan đến thuế, xuất xứ, tiêu chuẩn kỹ thuật... tại các thị trường Hoa Kỳ, EU, Trung Quốc.

Tích cực triển khai chủ động, hiệu quả các FTAs, nhất là CPTPP, EVFTA, các Hiệp định khu vực và song phương với các nước. Thực hiện nghiêm việc đáp ứng các quy định về tem nhãn, truy xuất nguồn gốc, chỉ dẫn vùng trồng, kiểm nghiệm, kiểm dịch, quy cách đóng gói, chất lượng, chủng loại nông sản; đăng ký mã cơ sở đóng gói, mã số doanh nghiệp đáp ứng yêu cầu của thị trường xuất khẩu. Chú trọng xây dựng thương hiệu “Nông sản Việt” đối với các sản phẩm nông sản chủ lực của Việt Nam trên thị trường thế giới. Nghiên cứu xây dựng Nghị định về thương hiệu nông sản.

- *Đối với thị trường trong nước:* Có lộ trình, phương án giải pháp rõ ràng đẩy mạnh tiêu thụ nội địa đối với những sản phẩm có tính thời vụ cao (như rau, hoa, quả), dễ bị tác động của điều kiện tự nhiên, thời tiết, làm giảm phẩm cấp, chất lượng. Có giải pháp ổn định thị trường, kiểm soát sự biến động giá của một số mặt hàng nông sản, thủy sản, thức ăn chăn nuôi, vật tư nông nghiệp.

Theo dõi chặt chẽ thị trường đầu vào cho sản xuất, đặc biệt là khi giá đầu vào tăng hoặc có sự thay đổi về nguồn cung nguyên liệu. Có giải pháp đồng bộ để kiểm soát giá và nguồn cung, tránh tình trạng thiếu hụt nguyên liệu ảnh hưởng đến sản xuất và xuất khẩu.

Đa dạng hóa kênh cung cấp cho thị trường trong nước, thúc đẩy thương mại điện tử, gắn kết sản xuất với thị trường.

Tăng cường biện pháp đảm bảo an toàn thực phẩm cho cả thị trường trong nước và xuất khẩu. Bảo đảm chất lượng nông sản trong cả chuỗi cung ứng từ khâu sản xuất, chế biến, thương mại đến tay người tiêu dùng trong nước và ra thị trường nước ngoài.

7. Thúc đẩy mạnh mẽ các ngành, lĩnh vực hỗ trợ sản xuất nông, lâm, thủy sản

Quản lý, khai thác, sử dụng hiệu quả tài nguyên (nhất là tài nguyên đất, tài nguyên nước) để cùng các yếu tố đầu vào khác thúc đẩy sản xuất nông sản hàng hóa tập trung, quy mô lớn, tăng nhanh năng suất các nhân tố tổng hợp của Ngành; khơi thông nguồn lực nội tại của ngành NN&MT, tạo không gian mở, động lực mới thúc đẩy sản xuất hàng hóa lớn. Các ngành hỗ trợ sản xuất nông nghiệp (thủy lợi, phòng chống thiên tai, đất đai, khí tượng thủy văn, quản lý tài nguyên) xây dựng kế hoạch cụ thể để nâng cao chất lượng, hiệu quả, giảm thiểu thiệt hại do thiên tai, dịch bệnh; góp phần tăng giá trị, chất lượng, giảm chi phí sản xuất nông nghiệp.

Xây dựng, cập nhật các kịch bản phòng chống thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu lĩnh vực NN&MT; theo dõi chặt chẽ thời tiết, khí tượng thủy văn, xâm nhập mặn... Hướng dẫn các địa phương công tác quản lý an toàn đập mùa mưa lũ, quản lý đê điều, hồ chứa thủy lợi...

Thực hiện đột phá chiến lược trong xây dựng kết cấu hạ tầng nông nghiệp, nông thôn đồng bộ, hiện đại và bảo vệ môi trường bền vững. Nâng cao hiệu quả quản lý đầu tư công của Bộ, Ngành; tháo gỡ kịp thời các vướng mắc, bảo đảm tỷ lệ giải ngân vốn đầu tư công năm 2025 đạt trên 95%; đưa vào khai thác, vận hành hiệu quả các công trình lớn hoàn thành, tạo động lực cho tăng trưởng, phát triển sản xuất.

Cơ quan khuyến nông phối hợp với các viện, trường, doanh nghiệp, nông dân sản xuất giỏi để lựa chọn các giải pháp giúp tăng giá trị, giảm chi phí sản xuất và tổ chức đào tạo tập huấn nhân rộng.

8. Đẩy mạnh truyền thông phát triển nông nghiệp và bảo vệ môi trường

Đổi mới phương thức, nội dung, nâng cao hiệu quả công tác truyền thông, nhất là truyền thông chính sách phát triển nông nghiệp và môi trường; tạo sự đồng thuận trong Bộ, toàn Ngành quyết tâm thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ tăng trưởng Ngành, kim ngạch xuất khẩu NLTS.

Đẩy mạnh truyền thông, tuyên truyền các mô hình sản xuất kinh doanh hiệu quả, tiêu biểu; khắc phục tình trạng thông tin không chính xác ảnh hưởng đến tâm lý người tiêu dùng và các tổ chức sản xuất kinh doanh.

Tiếp tục phối hợp chặt chẽ với các địa phương để tập huấn, tuyên truyền, hỗ trợ các địa phương thực hiện tốt phương án phân cấp, phân quyền để giải quyết tốt các yêu cầu của người dân và doanh nghiệp trong quá trình sản xuất kinh doanh.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các đồng chí Lãnh đạo Bộ NN&MT theo lĩnh vực phụ trách, địa bàn được phân công chịu trách nhiệm chỉ đạo triển khai thực hiện Kế hoạch hành động này.

2. Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc Bộ NN&MT theo chức năng, nhiệm vụ được giao chịu trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ sau:

a) Xây dựng và ban hành kế hoạch chi tiết để tổ chức triển khai thực hiện, bảo đảm tiến độ, chất lượng, hiệu lực, hiệu quả; trong đó, phân công rõ trách nhiệm của từng đơn vị, cán bộ đầu mối, ban hành **trước ngày 10/4/2025** và gửi về Bộ (qua Vụ Kế hoạch - Tài chính, Văn phòng Bộ) để theo dõi, đôn đốc.

b) Chịu trách nhiệm toàn diện trước Bộ trưởng về chất lượng và tiến độ triển khai thực hiện các nhiệm vụ được giao; chủ động xử lý, phối hợp xử lý theo thẩm quyền, hoặc đề xuất với Bộ xử lý kịp thời các vấn đề phát sinh.

c) Thường xuyên theo dõi, kiểm tra, giám sát tiến độ, kết quả thực hiện chỉ tiêu, nhiệm vụ được giao; định kỳ hằng quý, tổng hợp, đánh giá tình hình thực hiện các chỉ tiêu, nhiệm vụ tại các Phụ lục, gửi Vụ Kế hoạch - Tài chính, Văn phòng Bộ trước ngày 20 tháng cuối quý để tổng hợp, báo cáo Bộ trưởng.

3. Bộ NN&MT đề nghị Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quan tâm phối hợp với Bộ trong triển khai thực hiện các nội dung có liên quan tại các Nghị quyết của Chính phủ: Số 01/NQ-CP ngày 08/01/2025, số 25/NQ-CP ngày 05/02/2025 và Kế hoạch hành động này, bao gồm:

a) Nghiên cứu xây dựng, điều chỉnh phương án, kịch bản tăng trưởng của địa phương, lựa chọn những nội dung, chủ đề, mô hình, triển khai thực hiện các giải pháp cụ thể hiệu quả; trong đó điều chỉnh nâng mức tăng trưởng của ngành NN&MT, bảo đảm đóng góp tương xứng cho mục tiêu tăng trưởng GRDP của địa phương và đóng góp cho tăng trưởng chung 4,0% trở lên của ngành NN&MT cả nước năm 2025.

b) Chỉ đạo Sở NN&MT báo cáo tình hình thực hiện Kế hoạch hành động hàng quý, 6 tháng và cả năm gửi Bộ NN&MT (qua Vụ Kế hoạch - Tài chính) trước ngày 20 của tháng cuối quý để tổng hợp.

4. Vụ Kế hoạch - Tài chính chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan:

a) Theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc tổ chức thực hiện Kế hoạch hành động; kịp thời báo cáo, đề xuất với lãnh đạo Bộ về các biện pháp cần thiết bảo đảm Kế hoạch hành động được thực hiện đồng bộ, hiệu quả.

b) Định kỳ và theo yêu cầu tổng hợp báo cáo của Bộ kết quả thực hiện Kế hoạch hành động này, báo cáo Bộ trưởng, Ban Thường vụ Đảng ủy Bộ, Bộ Tài chính, Văn phòng Chính phủ và các cơ quan chức năng theo quy định.

Các chỉ tiêu, nhiệm vụ cụ thể tại các phụ lục kèm theo Kế hoạch hành động này:

- Phụ lục I: Mục tiêu tăng trưởng Ngành năm 2025;

- Phụ lục II: Mục tiêu kim ngạch xuất khẩu nông lâm thủy sản năm 2025;
- Phụ lục III: Phân công nhiệm vụ cụ thể thực hiện mục tiêu tăng trưởng Ngành và kim ngạch xuất khẩu nông lâm thủy sản năm 2025./.

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG